

Bản án số: 63/2024/DS-ST

Ngày: 25-6-2024

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Bảo Trâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Hằng.

2. Ông Trần Văn Nhị

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Ngọc Nhân – Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thường Ân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 81/2024/TLST – DS ngày 20 tháng 3 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng vay*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1955.

Địa chỉ: ấp D, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Bà Bùi Thị T1, sinh năm 1957.

Địa chỉ: ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Võ Văn L, sinh năm 1971 (xin vắng)

2/ Bà Cao Thị Kim C, sinh năm 1980 (xin vắng)

Cùng địa chỉ: ấp V, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: ông có cho bà T1 vay tiền 04 lần, ngày 14/02/2022 cho vay 50.000.000 đồng, hứa ngày 30/2/2022 trả, giấy vay này bà T1 không có ký tên nhưng mà có đứng tên vay, ghi phần trên, bà T1 có nói là vay dùm cho 2 người con gái và con rể của bà T1, 2 người đó có ký tên C và L, ông giao tiền cho bà T1, bà T1 giao lại cho con của bà T1. Ngày 23/4/2022 ông cho bà T1 vay tiếp 20.000.000 đồng, hứa 1 tháng trả, giao tiền cho bà T1. Ngày 26/4/2022 A ông cho vay tiếp

20.000.000 đồng, hẹn ngày 26/5/2022 trả. Sau đó ông có cho bà T1 vay tiếp số tiền 30.000.000 đồng, không có ghi ngày cho vay, có ghi là hẹn ngày 30/6/2022 trả trước 10.000.000 đồng. Ông cho bà T1 vay 120.000.000 đồng, đến nay bà T1 chưa thanh toán. Ông khởi kiện yêu cầu bà T1 trả số tiền 120.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Quá trình hoà giải ông rút 1 phần yêu cầu khởi kiện đối với giấy vay ngày 14/02/2022 âm lịch số tiền 50.000.000 đồng vì vợ chồng ông L và C là người ký nhận nợ và chịu trách nhiệm trả cho tôi. Ông yêu cầu bà T1 trả cho ông số tiền nợ là 70.000.000 đồng. Giấy thiếu tiền 30.000.000 đồng không ghi ngày mượn mà ghi hứa 30/6 trả, khi ông giao cho bà T1 tiền mượn thì chỉ có ông và bà T1 không có ai nhìn thấy. Việc tình cảm giữa ông và bà T1 là có, có quan hệ nam nữ, bà T1 còn kêu ông làm hôn thú với bà T1, ông thấy bà T1 buôn bán vé số cực khổ nên ông tội nghiệp, nhưng mà quan hệ lần nào là ông cho tiền riêng lần đó, còn việc mượn tiền là riêng, không có việc làm tình mà xoá nợ.

Bị đơn bà Bùi Thị T1 trình bày: giấy vay ngày 14/02/2022 cho vay 50.000.000 đồng là bà không có ký tên, bà không có vay, con tôi nhờ bà nói tiếng mượn dùm rồi con bà trả, con gái bà và con rể bà là C và L nhận tiền và ký tên, bà không có nhận tiền, do ông T nói là phải tên bà thì ông T mới cho mượn nên ghi tên bà, con bà cũng có trả tiền cho ông T hàng tháng nên bà không đồng ý trả khoản tiền này. Ngày 23/4/2022 A và ngày 26/4/2022 A bà có ký giấy vay mỗi lần 20.000.000 đồng, tổng là 40.000.000 đồng, bà có hứa là ngày 26/5/2022 A bà trả, bà trả được 10.000.000 đồng, không có làm biên nhận, còn thiếu lại 30.000.000 đồng, sau đó ông T ép quá nên bà có ký giấy ghi là thiếu 30.000.000 đồng hẹn ngày 30/6 trả 10.000.000 đồng nhưng bà chưa trả được. Nay bà chỉ đồng ý trả cho ông T 30.000.000 đồng. Nhưng nay bà không đồng ý trả nữa, vì ban đầu bà và ông T làm bạn, ông T mới cho bà mượn tiền, Sau đó ông T nói làm tình, làm tình thì đổi lại ông T cho bà tiền, khởi trả nợ. Giấy nợ là viết khi còn làm bạn, bà cũng có đến nhà ông T chăm sóc cho ông T nhiều lần. Việc làm tình xoá nợ thì chỉ có bà và ông T biết, không ai biết, làm tình thì nói chuyện với nhau thôi. Đến tháng 9/2023 bà không quan hệ với ông T nữa nên ông T mới đi đòi, làm chồng bà biết sự việc đánh đuổi bà đi. Việc quan hệ tình cảm và mượn tiền của bà và ông T là không liên quan chồng bà, yêu cầu không đưa chồng bà tham gia vụ việc. Nay bà không đồng ý trả tiền cho ông T vì ông T hứa xoá nợ cho 03 năm quan hệ rồi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn L và bà Cao Thị Kim C trình bày: bà C là con ruột của bà T1, ông L và bà C là vợ chồng. Nhờ quan hệ quen biết nên bà T1 giới thiệu vợ chồng ông L và bà C vay tiền ông T. Giấy vay ngày 14/02/2022 A là vợ chồng ông bà đứng ra vay ông T 50.000.000 đồng, vợ chồng trực tiếp nhận tiền và ký nhận, không liên quan bà T1. Do ông bà không rành nên phần đầu giấy mới ghi tên bà T1, nhưng bà T1 không có nhận tiền không có ký tên. Vợ chồng ông bà còn vay ông T khoản vay khác nữa, cũng đang trả góp nên số tiền 50.000.000 đồng giấy vay ngày 14/02/2022 A sẽ do vợ chồng ông bà có trách nhiệm trả cho ông T, không liên quan bà T1.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An phát biểu quan điểm: Từ khi thụ lý đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: bà T1 thừa nhận có mượn 02 lần, ngày

23/4/2012 A1 mượn 20.000.000 đồng và ngày 26/4/2011 A mượn 20.000.000 đồng đã trả được 10.000.000 đồng, đối với giấy ghi 30.000.000 đồng do không khớp số tiền mượn số tiền trả nên không có căn cứ xác định bà T1 có mượn thêm 30.000.000 đồng, mà có căn cứ bà T1 mượn 40.000.000 đồng trả được 10.000.000 đồng còn 30.000.000 đồng. Yêu cầu khởi kiện của ông T có căn cứ chấp nhận 01 phần buộc bà T1 trả số tiền mượn là 30.000.000 đồng. Bà T1 cho rằng đã quan hệ để trừ nợ nhưng không có căn cứ chứng minh. Đối với giấy vay 50.000.000 đồng ngày 14/02/2022 A1, ông T đã rút yêu cầu khởi kiện nên đình chỉ 01 phần là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị T1 có ký với nhau giấy mượn tiền. Nay ông T khởi kiện làm phát sinh quan hệ tranh chấp hợp đồng vay thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự.

[2] Do bà Bùi Thị T1 hiện cư ngụ tại huyện T, tỉnh Long An nên khi ông T khởi kiện thì Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An giải quyết theo trình tự sơ thẩm quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng kết quả không thành. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[4] Tại phiên toà, ông Võ Văn L và bà Cao Thị Kim C có yêu cầu xin giải quyết vắng mặt. Do đó, việc Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An đưa ra xét xử vắng mặt ông L và bà C là phù hợp với Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Xét yêu cầu của ông T, Hội đồng xét xử thấy:

[5.1] Ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị T1 có quan hệ vay mượn nhiều lần, quá trình cho vay và trả nợ chỉ có 2 người giao nhận và thoả thuận không có ai chứng kiến và biết sự việc. Ngày 23/4/2022, ông T cho mượn 20.000.000 đồng, bà T1 có ký nhận giấy vay tiền, hạn 01 tháng trả. Ngày 26/4/2022 AL ông T cho vay tiếp 20.000.000 đồng, hạn ngày 26/5/2022 AL trả, bà T1 có ký nhận giấy thoả thuận vay tiền. Sau đó ông có cho bà T1 vay tiếp số tiền 30.000.000 đồng, không có ghi ngày cho vay, có ghi là hạn ngày 30/6/2022 AL trả trước 10.000.000 đồng. Ông yêu cầu bà T1 trả số tiền vay 70.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Trong quá trình hoà giải bà T1 cho rằng bà chỉ mượn ông T 02 lần tiền ngày 23/4/2022 và ngày 26/4/2022 A, mỗi lần 20.000.000 đồng, bà đã trả được 10.000.000 đồng không có ghi biên nhận, sau đó ông T ép bà trả nên bà có ghi giấy thiếu 30.000.000 đồng hạn ngày 30/6/2022 AL trả trước 10.000.000 đồng, bà không có mượn thêm 30.000.000 đồng mà là còn thiếu 30.000.000 đồng, nay bà không đồng ý trả vì cho rằng hai bên thoả thuận quan hệ nam nữ để trừ nợ rồi. Thấy rằng, căn cứ thừa nhận của bà T1 nên xác định bà T1 có vay số tiền 40.000.000 đồng theo 02 giấy nhận tiền vay ngày 23/4/2022 và ngày 26/4/2022 A.

[5.2] Đối giấy ghi số tiền 30.000.000 đồng, không có ghi ngày cho vay, có ghi là hạn ngày 30/6/2022 AL trả trước 10.000.000 đồng, Ông T cho rằng sau khi

mượn 40.000.000 đồng thì bà T1 mượn thêm 30.000.000 đồng nên ghi giấy này, bà T1 không đồng ý cho rằng bà đã trả bớt 10.000.000 đồng còn lại 30.000.000 đồng ông T ép bà ghi và hẹn trả tiếp. Thấy rằng giấy này ghi “thiếu 30.000.000 đồng, hẹn ngày 30 tháng 6 trả 10.000.000 đồng” chứ không ghi “mượn 30.000.000 đồng” phù hợp lời khai của bà T1 là trả bớt 10.000.000 đồng còn thiếu 30.000.000 đồng nên ghi giấy hẹn trả tiếp, lời trình bày của bà T1 phù hợp chứng cứ nên có căn cứ xác định bà T1 chỉ mượn 40.000.000 đồng và đã trả được 10.000.000 đồng, còn thiếu lại 30.000.000 đồng. Bà T1 cho rằng 2 bên có thỏa thuận trừ số tiền nợ 30.000.000 đồng cho việc quan hệ nam nữ 3 năm qua nhưng không được ông T thừa nhận, ông T cho rằng mỗi lần quan hệ là cho tiền riêng, không có thỏa thuận xóa nợ, bà T1 cũng không có chứng cứ chứng minh việc xóa nợ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các giấy thỏa thuận vay tiền và trả tiền buộc bà T1 trả cho ông T tiền vay gốc còn nợ 30.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Ông T không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

[5.3] Đối với giấy vay ngày 14/02/2022 âm lịch số tiền 50.000.000 đồng vì vợ chồng ông L và C là người ký nhận nợ và chịu trách nhiệm trả cho ông T nên ông rút yêu cầu khởi kiện phần này. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ 1 phần yêu cầu khởi kiện của ông T đối với giấy vay ngày 14/02/2022 là phù hợp.

[6] Lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An là có cơ sở.

[7] Về án phí: các đương sự không phải chịu án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí và án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 205; Các Điều 227, 147, 227, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T tranh chấp hợp đồng vay đối với bà Bùi Thị T1

Buộc bà Bùi Thị T1 trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền vay gốc là 30.000.000 đồng.

Đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với giấy vay số tiền 50.000.000 đồng ngày 14/02/2022.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí: các đương sự không phải chịu án phí.

Án xét xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn và bị đơn. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày được Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Án văn, Lưu;

Hồ Bảo Trâm